

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MẦM NON CAO THẮNG

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

Độ tuổi: 3 - 4 tuổi

Cơ sở giáo dục mầm non: Trường Mầm non Cao Thắng

Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Hạ Long, Tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI: 3 - 4 TUỔI

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

Căn cứ Quyết định số 2324/UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hạ Long; Căn cứ nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế công tác Nuôi dưỡng, Chăm sóc, Giáo dục trẻ. Trường Mầm non Cao Thắng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1. Mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng

30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

*** Tổ chức ăn**

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

*** Tổ chức ngủ**

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

*** Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Mục tiêu giáo dục

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

(1) Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

(2) Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

(3) Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

(4) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân như: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

(5) Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ

Lĩnh vực	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
PHÁT TRIỂN THỂ	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG		
	MT 1	- Trẻ đạt được cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7 - 21,2kg. + Trẻ gái: 12,3 - 21,5kg. - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 - 111,7m. + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 m.	+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu khuyến nghị năng lượng của trẻ tại trường theo độ tuổi: 615 - 726 Kcal/ngày/trẻ (Chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày) + Chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non.
	MT 2	- Trẻ thực hiện được đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu	+ Các động tác hô hấp. + Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 14	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động ném xa, ném trúng đích	+ Một số vận động ném xa và ném trúng.
	MT 15	- Trẻ biết phối hợp các vận động cơ thể để chơi các trò chơi vận động, trò chơi dân gian.	+ Trò chơi vận động. + Trò chơi dân gian.
	MT 16	- Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay cổ tay; Gập, đan ngón tay vào nhau.	+ Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Các trò chơi dân gian với tay.
	MT 17	- Trẻ có thể phối hợp được tay mắt trong hoạt động đan tết, xé dán giấy.	+ Các hoạt động: Đan tết; Xé, dán giấy.
	MT 18	- Trẻ vẽ được hình tròn theo mẫu	+ Cách cầm bút + Vẽ nguệch ngoạc, theo ý thích, theo yêu cầu. + Tô màu theo ý thích, theo yêu cầu
	MT 19	- Trẻ có thể cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm.	+ Sử dụng kéo đúng cách. + Cắt theo hướng dẫn.
	MT 20	- Trẻ biết xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.	+ Các cách xếp chồng các hình khối khác nhau theo yêu cầu, theo ý thích.
	MT 21	- Trẻ biết tự cài, cởi cúc.	+ Một số bài tập rèn sự khéo léo của đôi bàn tay: đóng - mở cúc, kéo - mở khóa, buộc dây
	GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT 22	- Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.	+ Một số thực phẩm quen thuộc, gần gũi: thịt, cá, trứng, sữa, rau...
	MT 23	- Trẻ nói được tên 1 số món ăn hàng ngày.	+ Một số món ăn hàng ngày quen thuộc.
	MT 23A	- Trẻ biết một số món ăn vặt, lành mạnh,	+ Sữa tươi không đường và các chế phẩm từ

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		<i>món ăn mới</i>	sữa + Các sản phẩm ngũ cốc, nguyên hạt + Nước ép trái cây + Bánh quy giòn + Trái cây dầm sữa chua + Sa lát rau củ trái cây
	MT 24	<i>- Trẻ biết tên một số món ăn đặc sản của TP Hạ Long.</i>	+ Một số đặc sản của TP Hạ Long: Chả mực, tôm, cua, ghẹ, bề bề...
	MT 25	<i>- Trẻ biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</i>	+ Các loại thức ăn. + Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất. + Ăn đa dạng các loại thức ăn
	MT 26	<i>- Trẻ biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.</i>	+ Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, SDD, béo phì...)
	MT 27	<i>- Trẻ có 1 số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số hành vi tốt trong ăn uống: Mời cô, mời bạn khi ăn...
	MT 28	<i>- Trẻ biết rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Các đồ dùng cần thiết để rửa tay.
	MT 29	<i>- Trẻ làm quen với việc lau mặt, xúc miệng dưới sự giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Cách trẻ xúc miệng, lau mặt. + Những đồ dùng cần thiết để bé xúc miệng, lau mặt. + Trẻ đánh răng rửa mặt khi nào?
	MT 30	<i>- Trẻ có thể cởi quần, áo, tháo tất dưới sự giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Cách trẻ thay quần, áo, tất... + Trẻ thay quần áo khi nào.
	MT 31	<i>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa cốc đúng cách.</i>	+ Cách cầm bát, thìa. + Cách bảo quản bát, thìa, cốc
	MT 32	<i>- Trẻ có 1 số hành vi tốt trong phòng bệnh, vệ sinh khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ

		sinh môi trường đối với sức khỏe con người. + Một số biểu hiện khi ốm và trẻ làm gì khi bị ốm đau? + Lựa chọn trang phục theo mùa
MT 33	<i>- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số đồ vật gây nguy hiểm. + Cách phòng tránh 1 số đồ vật gây nguy hiểm.
MT 34	<i>- Trẻ biết tránh 1 số hành động gây nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số hành động gây nguy hiểm. + Kí hiệu nguy hiểm.
MT 35	<i>- Trẻ có thể nhận ra 1 số trường hợp gây nguy hiểm và biết gọi người giúp đỡ.</i>	+ Một số trường hợp nguy hiểm thường gặp. + Cách gọi người giúp đỡ.
MT 35A	<i>- Trẻ có thể nhận ra 1 số tình huống nguy hiểm, có một số kỹ năng phòng chống xâm hại bạo hành</i>	+ Không cho người khác chạm vào vùng nhạy cảm + Không chạm vào vùng nhạy cảm của người khác + Tránh xa những người lạ mặt cố làm thân + Không cho người lạ mặt vào nhà + Chạy thật nhanh hoặc nhờ sự giúp đỡ của người khác + Báo ngay cho cha mẹ khi bị đe dọa + Giao tiếp theo quy tắc 5 ngón tay..
MT 36	<i>- Trẻ không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm khi được nhắc nhở.</i>	+ Một số khu vực có thể gây nguy hiểm (đường lầy lội ngập nước, bể nước, ao hồ) + Một số nơi mất vệ sinh (hố rác, chợ bán gia cầm...)

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC PHÁT	KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
	MT 37	- <i>Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</i>	+ Các sự vật gần gũi xung quanh trẻ. + Cách đặt câu hỏi về đối tượng được quan sát.
	MT 38	- <i>Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ...để nhận ra các đặc điểm nổi bật của đối tượng.</i>	+ Chức năng của các giác quan trên và một số bộ phận khác của cơ thể.
	MT 39	- <i>Trẻ biết đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi</i>	+ Tên các đồ dùng, đồ chơi. + Đặc điểm, cấu tạo, công dụng của các loại đồ dùng
	MT 40	- <i>Trẻ biết tên đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</i>	+ Tên các PTGT quen thuộc + Đặc điểm, cấu tạo, công dụng ích lợi nơi hoạt động của các loại PTGT
	MT 41	- <i>Trẻ biết đặc điểm nổi bật, ích lợi, cách chăm sóc, bảo vệ: cây cối, hoa quả... quen thuộc .</i>	+ Tên các loại cây cối, hoa quả quen thuộc + Đặc điểm, lợi ích, và tác hại của thực vật.
	MT 42	- <i>Trẻ có thể nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa con người, cây với môi trường sống của chúng.</i>	+ Mối liên hệ giữa con người, cây và môi trường sống.
	MT 43	- <i>Trẻ biết đặc điểm nổi bật, ích lợi, cách chăm sóc, bảo vệ những con vật gần gũi.</i>	+ Tên các loại con vật quen thuộc. + Cách chăm sóc và bảo vệ các con vật gần gũi xung quanh.
	MT 44	- <i>Trẻ có thể nhận ra mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống của chúng.</i>	+ Mối liên hệ giữa con vật và môi trường sống.

TRIỂN NHẬN THỨC	MT 45	<i>- Trẻ biết một số hiện tượng nắng mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt trẻ.</i>	+ Các hiện tượng thời tiết: nắng, mưa. + Sinh hoạt của con người phù hợp với thời tiết. + Bé làm gì khi trời: nắng/ mưa
	MT 46	<i>- Trẻ nhận ra những dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</i>	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
	MT 47	<i>- Trẻ biết 1 số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</i>	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. + Lợi ích của nước và cách sử dụng nước hiệu quả.
	MT 48	<i>- Trẻ có thể biết tên một số mùa trong năm và một số dấu hiệu nổi bật của mùa.</i>	+ Tên các mùa trong năm + Thời tiết các mùa.
	MT 49	<i>- Trẻ biết một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</i>	+ Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. + Cách sử dụng các nguồn ánh sáng hiệu quả.
	MT 50	<i>- Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, cát, đá, sỏi.</i>	+ Đặc điểm tính chất của cát, sỏi, đá.... + Ích lợi
	MT 51	<i>- Trẻ biết làm các thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát tìm hiểu về đối tượng.</i>	+ Các thử nghiệm đơn giản về sự vật, hiện tượng cùng với sự giúp đỡ của người lớn
	MT 52	<i>- Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.</i>	+ Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo nhóm có 1 dấu hiệu nổi bật. + Phân loại các loại PTGT theo nhóm có 1 dấu hiệu nổi bật. + Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo nhóm có 1 dấu hiệu nổi bật.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 53	<i>- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</i>	+ Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đồ dùng, đồ chơi, PTGT, cây cối, hoa quả, con vật khi được hỏi: Sự phát triển của cây...
	MT 54	<i>- Trẻ biết thể hiện 1 số điều quan sát được qua các hoạt động chơi tạo hình, âm nhạc.</i>	+ Một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, tạo hình, âm nhạc.
	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
	MT 55	<i>- Trẻ biết đếm theo khả năng. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.</i>	+ Đếm vệt + Đếm theo khả năng. + Đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5.
	MT 56	<i>- Trẻ biết quan tâm đến số lượng, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.</i>	+ 1 và nhiều. + Dùng ngón tay để biểu thị số lượng trong phạm vi 5 theo yêu cầu của cô giáo.
	MT 57	<i>- Trẻ biết đếm, gộp hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.</i>	+ Các cách gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. + Tạo nhóm theo 1,2 dấu hiệu
	MT 58	<i>- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.</i>	+ Các cách tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
	MT 59	<i>- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau.</i>	+ Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi. + Các cách so sánh trong phạm vi 5. + Cách sử dụng từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT 60	<i>- Trẻ nhận biết được sự khác nhau về kích thước của 2 đối tượng, biết so sánh về kích thước của 2 đối tượng.</i>	+ So sánh về kích thước của 2 đối tượng và nói được các từ: To hơn - nhỏ hơn; dài hơn - ngắn hơn; cao hơn - thấp hơn - bằng nhau).

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
	MT 61	<i>- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại (xếp xen kẽ).</i>	+ Các quy tắc sắp xếp và cách sắp xếp theo quy tắc.
	MT 62	<i>- Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên hình: hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật</i>	+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật của các hình. + Ghép các hình theo ý thích. + Các hình có trong xung quanh bé .
	MT 63	<i>- Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.</i>	+ Vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
	KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
	MT 64	<i>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Một số thông tin về bản thân: tên, tuổi, giới tính của bản thân
	MT 65	<i>- Nói tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.</i>	+ Thông tin về các thành viên trong gia đình của bé.
	MT 66	<i>- Nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh về gia đình.</i>	+ Địa chỉ gia đình. + Các hoạt động của gia đình
	MT 67	<i>- Nói được tên trường, lớp, tên các bạn, tên và công việc cô giáo đồ dùng đồ chơi, khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Tên Trường lớp của bé, tên và công việc của cô giáo. + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT 68	<i>- Trẻ có thể kể được tên, sản phẩm của một số nghề quen thuộc.</i>	+ Một số công việc gần gũi + Sản phẩm và ích lợi của các nghề phổ biến.
	MT 69	<i>- Trẻ biết lá cờ tổ quốc Việt Nam. Trẻ biết Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam và thế giới. Trẻ biết chú bộ đội</i>	+ Nhận biết: Cờ tổ quốc. + Hình ảnh Bác Hồ.

		<i>là người làm nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc</i>	+ Hình ảnh chú bộ đội
	MT 70	<i>- Trẻ có thể kể được tên của một số ngày lễ hội.</i>	+ Một số ngày lễ hội: Trung thu, tết, Mừng 8/3.... + Các hoạt động của lễ hội. + Các hành vi văn minh khi tham gia lễ hội.
	MT 71	<i>- Kể tên một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương.</i>	+ Một số cảnh đẹp của thành phố Hạ Long. + Một số di tích lịch sử của Hạ Long, QN. + Sự kiện văn hóa của địa phương.
	MT 72	<i>- Trẻ biết một số qui định giao thông đơn giản.</i>	+ Một số quy định giao thông đường bộ. + Một số biển báo. + Một số hành vi đúng, sai khi tham gia giao thông.
	MT 73	<i>- Trẻ biết tên một số biển, đảo của Tỉnh Quảng Ninh và biển đảo Việt Nam.</i>	+ Tên một số biển của tỉnh Quảng Ninh: Biển Trà Cổ - Móng Cái; Biển Hạ Long + Một số đảo nổi tiếng thông qua tên gọi: Quần đảo Hoàng Sa - TP. Đà Nẵng; Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Đây là 2 quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam.
NGHE HIỂU LỜI NÓI			
	MT 74	<i>- Trẻ nghe hiểu và làm theo được yêu cầu đơn giản</i>	+ Hiểu và làm theo được yêu cầu đơn giản
	MT 75	<i>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</i>	+ Nghe hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	MT 76	<i>- Trẻ lắng nghe và trả lời với người đối thoại.</i>	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			+ Trò chuyện qua các hoạt động. + Trò chuyện theo tranh. + Trò chuyện theo chủ đề.
	MT 77	- <i>Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi</i>	+ Một số truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.
	MT 78	- <i>Trẻ nghe các bài hát đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi</i>	+ Các bài hát đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
	MT 78A (MTPCT)	- <i>Trẻ nghe hiểu một số từ Tiếng Anh đơn giản phù hợp với độ tuổi</i>	+ Nghe từ mới đơn giản + Câu đơn đơn giản, dễ hiểu
	SỬ DỤNG LỜI NÓI TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY		
	MT 79	- <i>Trẻ có thể nói rõ các tiếng.</i>	+ Phát âm các tiếng của tiếng Việt. + Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”...
	MT 79A (MTPCT)	- <i>Trẻ nói được một số từ Tiếng Anh đơn giản phù hợp với độ tuổi</i>	+ Nói để người nghe hiểu được
	MT 80	- <i>Trẻ biết sử dụng các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</i>	+ Các từ chỉ sự vật. + Các từ chỉ đặc điểm + Từ chỉ hoạt động.
	MT 81	- <i>Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép.</i>	+ Bày tỏ tình cảm (yêu, ghét ...), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng. + Đặt câu hỏi.
	MT 82	- <i>Trẻ biết kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...</i>	+ Cách kể lại sự việc (theo trí nhớ, trí tưởng tượng.)
	MT 83	- <i>Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao,</i>	+ Một số bài thơ, ca dao, đồng dao theo chủ

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		<i>đồng dao...</i>	đề. + Cách đọc thơ ca dao, đồng dao.
	MT 84	<i>- Trẻ có thể kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn</i>	+ Cách kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
	MT 85	<i>- Trẻ biết bắt chước giọng nói của các nhân vật trong truyện.</i>	+ Kỹ năng kể chuyện diễn cảm. + Kỹ năng đóng vai theo lời dẫn chuyện.
	MT 86	<i>- Trẻ biết sử dụng các từ như: vâng ạ, dạ thưa trong giao tiếp.</i>	+ Cách sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi, vâng dạ trong giao tiếp.
	MT 87	<i>- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.</i>	+ Tốc độ phát âm, âm lượng phù hợp với từng hoàn cảnh. + Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC - VIẾT		
	MT 88	<i>- Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.</i>	+ Các loại sách truyện. + Cách cầm sách, mở sách, đọc sách. + Giữ gìn sách.
	MT 89	<i>- Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.</i>	+ Kể tên các nhân vật trong truyện
	MT 90	<i>- Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc.</i>	+ Cách cầm bút giở sách và tô, đồ nét chữ, viết vẽ nguệch ngoạc.
	MT 91	<i>- Trẻ làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.</i>	+ Một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ ...).
	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
	MT 92	<i>- Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.</i>	+ Tên, tuổi, giới tính.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI	MT 93	<i>- Nói được điều bé thích và không thích.</i>	+ Những điều trẻ thích và không thích
	MT 94	<i>- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động. Mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.</i>	+ Các hoạt động trẻ tham gia. + Cách trẻ trả lời câu hỏi
	MT 95	<i>- Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc đơn giản được giao.</i>	+ Các công việc hàng ngày của trẻ. + Cách trẻ hoàn thành công việc được giao
	MT 96	<i>- Trẻ biết nhận ra cảm xúc qua nét mặt, giọng nói</i>	+ Một số trạng thái cảm xúc của người khác (vui buồn, sợ hãi, tức giận ...) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
	MT 97	<i>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận.</i>	+ Một số trạng thái cảm xúc (Vui buồn, sợ hãi, tức giận..) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động. + Cảm xúc của bé.
	MT 98	<i>- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết bày tỏ lòng kính yêu đối với Bác</i>	+ Hình ảnh Bác Hồ. + Cách bày tỏ lòng kính yêu đối với Bác
	MT 99	<i>- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</i>	+ Một số truyện kể, bài hát, bài thơ...về Bác Hồ.
	MT 100	<i>- Trẻ thích quan tâm đến một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương.</i>	+ Một số di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống gần gũi của thành phố Hạ Long, quê hương Quảng Ninh. + Cách thể hiện tình cảm đối với quê hương.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 101	<i>- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và ở gia đình: Cất đồ chơi, vâng lời bố mẹ...</i>	+ Các quy định ở lớp. + Các quy định ở gia đình.
	MT 102	<i>- Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.</i>	+ Câu nói, cử chỉ đẹp trong giao tiếp.
	MT 103	<i>- Trẻ biết chú ý khi cô, bạn nói.</i>	+ Thái độ và hành động của trẻ khi giao tiếp với các bạn và người lớn.
	MT 104	<i>- Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.</i>	+ Lắng nghe người khác nói.

			+ Chơi hòa thuận với bạn. + Chờ đến lượt.
	MT 105	<i>- Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.</i>	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	MT 106	<i>- Trẻ có thể nhận biết được hành vi đúng</i> <i>- sai, tốt - xấu</i>	+ Một số hành vi đúng sai, tốt xấu với môi trường. + Sự quan tâm của bé với thiên nhiên.
	MT 107	<i>- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi qui định.</i>	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	MT 108	<i>- Trẻ biết tiết kiệm nước, điện khi được nhắc nhở.</i>	+ Tiết kiệm điện, nước.
	MT 109	<i>- Trẻ có thể ứng phó với biến đổi khí hậu đơn giản.</i>	+ Một số ứng phó với biến đổi khí hậu đơn giản như biết mặc ấm khi trời lạnh, biết tìm nơi trú ẩn khi trời mưa hay gió lốc, trồng và bảo vệ cây...với sự giúp đỡ của người lớn.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	PHÁT TRIỂN THẨM MỸ (ÂM NHẠC)		
	MT 110	<i>- Trẻ thể hiện sự vui sướng, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm.</i>	+ Cảm xúc khi nghe các âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi.
	MT 111	<i>- Trẻ chú ý nghe và thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.</i>	+ Các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). + Cách hưởng ứng khi nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện kể.
	MT 112	<i>- Trẻ biết hát tự nhiên, hát đúng giai điệu bài hát quen thuộc.</i>	+ Một số bài hát phù hợp với trẻ. + Kỹ năng khi trẻ hát.
	MT 112-A	<i>- Trẻ làm quen với một số bài hát Tiếng</i>	<i>+ Hát theo và hưởng ứng giai điệu của bài hát</i>

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	(MPTCT)	<i>Anh đơn giản</i>	tiếng anh đơn giản.
	MT 113	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động mình họa,...)	+ Một số vận động đơn giản theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. + Kỹ năng vận động theo bài hát, bản nhạc quen thuộc.
	MT 114	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc; biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.	+ Một số vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. + Các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	MT 115	- Trẻ biết cách chơi các trò chơi âm nhạc.	+ Các trò chơi âm nhạc.
	PHÁT TRIỂN THẨM MỸ (TẠO HÌNH)		
	MT 116	- Trẻ vui sướng, ngắm nhìn, chỉ, sờ và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật về màu sắc, hình dáng...của tác phẩm tạo hình.	+ Các tác phẩm nghệ thuật. + Cảm xúc của bé trước các tác phẩm tạo hình.
	MT 117	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	+ Một số nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tạo hình. + Cách sử dụng các nguyên liệu để tạo ra sản phẩm dưới sự hướng dẫn của người lớn.
	MT 118	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình) để tạo ra các sản phẩm đơn giản.	+ Một số kỹ năng tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình) để tạo ra các sản phẩm đơn giản.
	MT 119	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	+ Cách nhận xét các sản phẩm tạo hình.
	MT 120	- Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	+ Các sản phẩm tạo hình đơn giản theo ý thích.
	MT 121	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Cách đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CÁC SỰ KIỆN LỚN
1	Trường mầm non	02	16/09/2024-> 27/09/2024	- Bé vui trung thu
2	Bản thân	03	30/09/2024 -> 18/10/2024	- Ngày Phụ nữ VN 20/10
3	Gia đình	04	21/10/2024 -> 15/11/2024	
4	Những nghề bé yêu	04	18/11/2024 -> 13/12/2024	- Ngày nhà giáo VN 20/11
5	Thế giới thực vật	04	16/12/2024 - > 10/01/2025	- Ngày thành lập Quân đội NDVN 22/12
6	Tết và mùa xuân	03	13/01/2025- > 14/02/2025	- Bé vui đón tết
Nghỉ tết 2 tuần: 27/01/2025 -> 08/02/202				
7	Thế giới động vật	04	17/02/2025- > 14/3/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Phương tiện và quy định giao thông	03	17/3/2025-> 04/4/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	04	07/4/2025-> 02/5/2025	- Lễ hội du lịch Hạ Long
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	04	05/5/2025-> 30/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác 19/5 - Tết thiếu nhi 1.6
Tổng	10 chủ đề	35 tuần	Tuần 1 bắt đầu 16/09/2024 Tuần 35 kết thúc vào 30/5/2025	

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Cao Thắng. Đề nghị tổ chuyên môn khối Mẫu giáo 3 - 4 tuổi căn cứ Kế hoạch để xây dựng Kế hoạch tại nhóm/lớp. Mọi vướng mắc cần trao đổi lại với BGH nhà trường để cùng thống nhất./.

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
T.M HỘI ĐỒNG NHÀ TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



Đặng Thị Hoài Hương

Cao Thắng, ngày 23 tháng 08 năm 2024

**TM. TỔ CHUYÊN MÔN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đào Thị Phương